

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
(đã được kiểm toán)

M.S.D.

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-30
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Bia rượu Viger - doanh nghiệp Nhà nước được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2106/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 24/07/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600103843 lần đầu ngày 29/12/2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 24/03/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Thị Lệ Châm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hội	Ủy viên
Ông Đỗ Đình Quý	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Đình Quý	Tổng Giám đốc
Bà Doãn Thúy Dung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Xuân Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Mùi	Trưởng ban
Ông Nguyễn Phú Cường	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Đình Quý
Tổng Giám đốc

Phủ Thọ, ngày 25 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger được lập ngày 25 tháng 02 năm 2020, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Trên Báo cáo tài chính năm 2019, Công ty đang trình bày khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc tại ngày đầu tư. Chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty liên kết, do đó chúng tôi không thể đưa ra các điều chỉnh cần thiết (nếu có) liên quan đến khoản đầu tư này.
2. Chúng tôi không nhận được các thư trả lời yêu cầu xác nhận của các khách hàng đối với một số khoản phải thu có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 866,7 triệu VND (31/12/2018: 866,7 triệu VND). Bằng các thủ tục kiểm tra thay thế, chúng tôi cũng không thu thập đủ bằng chứng kiểm toán để đánh giá tính đầy đủ, chính xác và quyền thu của các khoản mục "Phải thu ngắn hạn khách hàng", "Phải thu ngắn hạn khác" và xác định điều chỉnh (nếu có) chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 trong Báo cáo tài chính đính kèm.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán viên đưa ra Báo cáo kiểm toán với ý kiến ngoại trừ về vấn đề kiểm toán viên không có cơ sở để xem xét tổn thất và trích lập dự phòng giảm giá (nếu có) với khoản đầu tư vào Công ty liên kết.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		18.405.253.921	23.099.575.642
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.744.883.698	1.711.856.879
111	1. Tiền		2.744.883.698	1.711.856.879
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		12.565.428.338	17.392.112.174
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.849.975.813	9.741.603.578
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	8.140.527.900	7.364.076.500
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.211.880.292	361.620.401
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(636.955.667)	(75.188.305)
140	IV. Hàng tồn kho	9	2.964.006.394	3.154.420.025
141	1. Hàng tồn kho		2.964.006.394	3.154.420.025
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		130.935.491	841.186.564
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	41.345.837
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	130.935.491	799.840.727
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		20.756.548.386	29.592.130.892
220	II. Tài sản cố định		17.090.947.606	18.722.227.839
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	17.090.947.606	18.722.227.839
222	- Nguyên giá		122.354.691.091	119.856.436.546
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(105.263.743.485)	(101.134.208.707)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		156.772.727	156.772.727
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(156.772.727)	(156.772.727)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	12	184.142.319	4.791.418
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		184.142.319	4.791.418
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	1.000.000.000	7.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	6.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.000.000.000	1.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.481.458.461	3.865.111.635
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.481.458.461	3.865.111.635
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		39.161.802.307	52.691.706.534

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		7.616.597.049	22.146.948.269
310	I. Nợ ngắn hạn		7.616.597.049	22.146.948.269
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	2.587.208.135	7.756.960.600
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		15.520.000	5.976.335.474
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	9.633.000	121.701.264
314	4. Phải trả người lao động		1.848.024.620	1.484.734.850
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		31.542.000	44.291.785
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	2.701.877.838	1.605.613.404
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	56.493.600	4.550.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		366.297.856	607.310.892
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		31.545.205.258	30.544.758.265
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	31.545.205.258	30.544.758.265
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		24.028.500.000	24.028.500.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		24.028.500.000	24.028.500.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		5.027.537.694	4.200.911.068
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.489.167.564	2.315.347.197
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.557.014.576	608.463.038
421b	LNST chưa phân phối năm nay		932.152.988	1.706.884.159
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		39.161.802.307	52.691.706.534

Lê Thị Bùi Xuân
Người lập

Ngô Thị Tuyết
Kế toán trưởng

Đỗ Đình Quý
Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 25 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	90.244.764.570	83.634.537.526
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		90.244.764.570	83.634.537.526
11	4. Giá vốn hàng bán	21	79.513.165.660	76.299.377.724
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.731.598.910	7.335.159.802
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	285.798.438	180.741.914
22	7. Chi phí tài chính	23	126.491.469	429.268.328
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		97.866.811	280.704.968
25	8. Chi phí bán hàng	24	3.993.878.678	377.863.648
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.990.654.145	5.027.120.800
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		906.373.056	1.681.648.940
31	11. Thu nhập khác	26	491.723.251	1.440.367.013
32	12. Chi phí khác	27	111.168.808	366.752.888
40	13. Lợi nhuận khác		380.554.443	1.073.614.125
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.286.927.499	2.755.263.065
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	354.774.511	618.346.391
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		932.152.988	2.136.916.674
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	388	800

Lê Thị Bùi Xuân
Người lập

Ngô Thị Tuyết
Kế toán trưởng

Đỗ Đình Quý
Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 25 tháng 02 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGERKhu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*Năm 2019**(Theo phương pháp trực tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		119.651.614.363	135.467.778.121
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(67.519.753.068)	(86.164.179.586)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(7.791.007.382)	(6.898.920.567)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(97.866.811)	(290.914.454)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(552.942.481)	(558.997.704)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.956.101.311	686.526.070
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(38.086.316.061)	(38.097.093.647)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		7.559.829.871	4.144.198.233
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.589.000.000)	(1.905.696.804)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	1.061.208.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		285.798.438	110.792.156
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.303.201.562)	(733.696.648)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		3.856.493.600	11.745.634.256
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(8.350.000.000)	(12.321.546.991)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(730.095.090)	(1.371.378.350)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.223.601.490)	(1.947.291.085)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.033.026.819	1.463.210.500
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.711.856.879	248.646.379
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	2.744.883.698	1.711.856.879

Lê Thị Bùi Xuân
Người lậpNgô Thị Tuyết
Kế toán trưởngĐỗ Đình Quý
Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 25 tháng 02 năm 2020



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Bia rượu Viger - doanh nghiệp Nhà nước được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2106/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 24/07/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600103843 lần đầu ngày 29/12/2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 24/03/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 24.028.500.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 24.028.500.000 đồng; tương đương 2.402.850 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất bia;
- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;
- Kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm 0h00' - ngày 01/01/2019, Công ty đã sát nhập thành công Công ty TNHH Một thành viên Viger Hà Nội. Toàn bộ tài sản và công nợ của Công ty TNHH Một thành viên Viger Hà Nội được bàn giao về Công ty theo giá trị sổ sách. Công ty TNHH Một thành viên Viger Hà Nội không tiến hành đánh giá giá trị doanh nghiệp tại thời điểm sát nhập. Sau khi sát nhập, Công ty TNHH Một thành viên Viger Hà Nội sẽ chấm dứt tồn tại, Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty TNHH Một thành viên Viger Hà Nội.

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng; phải thu khác và các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.16 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.21 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.448.981.606	39.789.844
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.295.902.092	1.672.067.035
	2.744.883.698	1.711.856.879

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

4 . ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con				
- Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội ⁽ⁱ⁾	-	-	6.000.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	1.000.000.000	-	6.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Dịch vụ Sông Hồng ⁽ⁱⁱ⁾	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
	1.000.000.000	-	7.000.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

⁽ⁱ⁾ Như đã trình bày tại Thuyết minh số 01, Công ty đã hoàn tất sáp nhập thành công Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội.

⁽ⁱⁱ⁾ Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Dịch vụ Sông Hồng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Do đó, Công ty chưa có cơ sở để xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương	1.396.571.358	-	2.086.268.080	-
- Công ty cổ phần lò hơi Ngô Châu Việt Nam	594.101.732	-	-	-
- Các khách hàng khác	859.302.723	(269.350.860)	7.655.335.498	(57.288.305)
	<u>2.849.975.813</u>	<u>(269.350.860)</u>	<u>9.741.603.578</u>	<u>(57.288.305)</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	<u>1.564.513.566</u>	<u>-</u>	<u>2.089.503.400</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tổng Công ty mía đường I - CTCP	4.958.240.000	-	6.697.440.000	-
- Công ty thương mại tư vấn và đầu tư (Tổng Công ty mía đường I - CTCP)	3.164.357.900	-	623.011.500	-
- Các khách hàng khác	17.930.000	(17.900.000)	43.625.000	(17.900.000)
	<u>8.140.527.900</u>	<u>(17.900.000)</u>	<u>7.364.076.500</u>	<u>(17.900.000)</u>
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
	<u>8.122.597.900</u>	<u>-</u>	<u>7.320.451.500</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết số dư theo đối tượng				
- Tạm ứng	1.596.786.932	(131.026.932)	102.820.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Tân Đại Việt	272.611.250	(190.827.875)	-	-
- Phải thu khác	342.482.110	(27.850.000)	258.800.401	-
	2.211.880.292	(349.704.807)	361.620.401	-
b) Phải thu khác là các bên liên quan				
	314.632.110	-	148.270.401	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

8 . NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Tân Đại Việt	272.611.250	81.783.375	-	-
- Ông Nguyễn Hữu Bản	142.000.000	71.000.000	-	-
- Ông Ngô Văn Việt	100.000.000	50.000.000	-	-
- Các khoản khác	325.127.792	-	75.188.305	-
	839.739.042	202.783.375	75.188.305	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.690.943.286	-	1.385.360.752	-
Công cụ, dụng cụ	385.357.768	-	959.220.721	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	817.771.306	-	726.331.155	-
Thành phẩm	62.676.489	-	64.213.397	-
Hàng hoá	7.257.545	-	19.294.000	-
	2.964.006.394	-	3.154.420.025	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER
Số 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	10.471.724.085	102.230.986.107	6.966.344.172	187.382.182	119.856.436.546
- Mua trong năm	-	1.424.000.000	-	-	1.424.000.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	165.000.000	-	-	-	165.000.000
- Tặng khác ^(*)	909.254.545	-	-	-	909.254.545
Số dư cuối năm	11.545.978.630	103.654.986.107	6.966.344.172	187.382.182	122.354.691.091
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.516.224.896	88.291.651.888	6.202.745.328	123.586.595	101.134.208.707
- Khấu hao trong năm	453.355.983	2.490.450.381	312.744.059	24.019.636	3.280.570.059
- Tặng khác ^(*)	848.964.719	-	-	-	848.964.719
Số dư cuối năm	7.818.545.598	90.782.102.269	6.515.489.387	147.606.231	105.263.743.485
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	3.955.499.189	13.939.334.219	763.598.844	63.795.587	18.722.227.839
Tại ngày cuối năm	3.727.433.032	12.872.883.838	450.854.785	39.775.951	17.090.947.606

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 15.171.600.790 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.441.256.065 VND.

(*) Tài sản nhận về do sát nhập Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội

1. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm kế toán, Bản quyền công nghệ làm mờ chai thủy tinh; Công nghệ sử dụng chất tẩy rửa chai pet. Tại thời điểm 31/12/2019, tổng nguyên giá của các tài sản là 156.772.727 VND, tổng giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 31/12/2019 là 156.772.727 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGERKhu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

12 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phân xưởng bia	184.142.319	4.791.418
	184.142.319	4.791.418

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	2.481.458.461	3.865.111.635
	2.481.458.461	3.865.111.635

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
- Công ty cổ phần tập đoàn PICENZA Việt Nam	1.160.000.000	1.160.000.000	-	-
- Công ty TNHH thương mại & vận tải Thái Tân	398.750.000	398.750.000	361.625.000	361.625.000
- Công ty TNHH Thương mại Phú Lâm Hải	329.978.000	329.978.000	-	-
- Các khách hàng khác	698.480.135	698.480.135	7.395.335.600	7.395.335.600
	2.587.208.135	2.587.208.135	7.756.960.600	7.756.960.600

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	33.427.172	29.362.642
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.331.262.216	30.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	337.188.450	346.428.540
- Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương	-	1.199.822.222
	2.701.877.838	1.605.613.404

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	52.123.310	-	5.592.438.375	5.578.033.188	37.718.123	-
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	747.717.417	-	31.404.346.425	30.678.876.684	22.247.676	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	110.666.524	371.306.265	552.942.481	70.969.692	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	11.034.740	104.729.005	106.130.745	-	9.633.000
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	902.116.608	902.116.608	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	799.840.727	121.701.264	38.379.936.678	37.823.099.706	130.935.491	9.633.000

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Chu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

7 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	1.550.000.000	1.550.000.000	-	1.550.000.000	-	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Miếu Phú Thọ ⁽ⁱ⁾	3.000.000.000	3.000.000.000	3.856.493.600	6.800.000.000	56.493.600	56.493.600
	4.550.000.000	4.550.000.000	3.856.493.600	8.350.000.000	56.493.600	56.493.600

⁽ⁱ⁾ Hợp đồng tín dụng số LAV201900278 ngày tháng 11 năm 2019, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 7.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và kinh doanh thương mại khác;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- + Lãi suất cho vay: quy định theo từng giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 56.493.6000 VND;
- + Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	24.028.500.000	3.985.894.811	2.050.173.038	30.064.567.849
Lãi trong năm trước	-	-	2.136.916.674	2.136.916.674
Phân phối lợi nhuận	-	-	(1.441.710.000)	(1.441.710.000)
Tạm trích lợi nhuận 2018	-	215.016.257	(430.032.515)	(215.016.258)
Số dư cuối năm	24.028.500.000	4.200.911.068	2.315.347.197	30.544.758.265
Số dư đầu năm nay	24.028.500.000	4.200.911.068	2.315.347.197	30.544.758.265
Lãi trong năm nay	-	-	932.152.988	932.152.988
Phân phối lợi nhuận ⁽ⁱ⁾	-	-	(720.855.000)	(720.855.000)
Tăng khác ⁽ⁱⁱ⁾	-	826.626.626	-	826.626.626
Giảm khác ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	(37.477.621)	(37.477.621)
Số dư cuối năm	24.028.500.000	5.027.537.694	2.489.167.564	31.545.205.258

⁽ⁱ⁾ Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thông qua ngày 01/10/2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến năm 2017 và Lợi nhuận sau thuế năm 2018	100,00%	2.745.379.712
Trích Quỹ đầu tư phát triển	7,83%	215.016.257
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (tạm trích trong năm 2018)	7,83%	215.016.258
Chi trả cổ tức (bằng 03% vốn điều lệ)	26,26%	720.855.000
Lợi nhuận chưa phân phối	58,08%	1.594.492.197

⁽ⁱⁱ⁾ Điều chỉnh do sát nhập Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Mía Đường I - CTCP	71,23%	17.115.000.000	71,23%	17.115.000.000
Các cổ đông khác	28,77%	6.913.500.000	28,77%	6.913.500.000
	100%	24.028.500.000	100%	24.028.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	24.028.500.000	24.028.500.000
- Vốn góp đầu năm	24.028.500.000	24.028.500.000
- Vốn góp cuối năm	24.028.500.000	24.028.500.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	346.428.540	276.096.890
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	720.855.000	1.441.710.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	720.855.000	1.441.710.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(730.095.090)	(1.371.378.350)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(730.095.090)	(1.371.378.350)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	337.188.450	346.428.540

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.402.850	2.402.850
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	2.402.850	2.402.850
- Cổ phiếu phổ thông	2.402.850	2.402.850
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.402.850	2.402.850
- Cổ phiếu phổ thông	2.402.850	2.402.850
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.027.537.694	4.200.911.068
	5.027.537.694	4.200.911.068

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê mảnh đất tại vị trí "Đoạn nút từ A2 (điểm giao nhau giữa đường Nguyễn Tấn Thành với đường Hùng Vương) đến nút A3(điểm giao nhau giữa đường Trần Nguyên Hãn và đường Hùng Vương)" với UBND tỉnh Phú Thọ với mục đích sản xuất kinh doanh. Diện tích của mảnh đất là 16.871,4 m², thời gian thuê là 45 năm kể từ năm 2004. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Sản phẩm bia	48.238.256.190	44.118.962.882
Sản phẩm rượu	15.757.576	13.608.815
Nước tinh khiết	30.513.911	40.127.589
Nước giải khát	2.265.116.130	3.876.429.657
Thương mại và dịch vụ khác	39.695.120.763	35.585.408.583
	90.244.764.570	83.634.537.526
Doanh thu đối với các bên liên quan	19.200.000.000	17.815.033

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGERKhu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Sản phẩm bia	39.542.961.327	36.927.657.686
Sản phẩm rượu	14.197.427	12.187.630
Nước tinh khiết	15.516.036	23.674.948
Nước giải khát	2.397.332.456	3.518.361.477
Thương mại và dịch vụ khác	37.543.158.414	36.000.920.416
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(183.424.433)
	79.513.165.660	76.299.377.724

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	285.798.438	2.560.896
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	178.181.018
	285.798.438	180.741.914

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	97.866.811	280.704.968
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	28.624.658	148.563.360
	126.491.469	429.268.328

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.387.431.078	135.949.966
Chi phí nhân công	500.112.286	46.948.293
Chi phí khấu hao tài sản cố định	79.729.585	55.550.136
Chi phí dịch vụ mua ngoài	552.847.774	54.848.139
Chi phí khác bằng tiền	473.757.955	84.567.114
	3.993.878.678	377.863.648

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.843.302	87.527.730
Chi phí nhân công	2.054.909.526	1.868.181.830
Chi phí khấu hao tài sản cố định	166.889.788	168.773.820
Thuế, phí, lệ phí	932.632.439	922.573.596
Chi phí dự phòng	165.026.932	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.538.005.762	916.344.544
Chi phí khác bằng tiền	1.105.346.396	1.063.719.280

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGERKhu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	1.061.208.000
Điện và nước cho thuê	20.669.211	11.579.013
Tiền bán phế liệu	323.080.000	357.180.000
Thu nhập khác	147.974.040	10.400.000
	491.723.251	1.440.367.013

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	273.305.197
Các khoản bị phạt	29.235.938	72.968.890
Thanh lý vật tư	61.263.657	-
Chi phí khác	20.669.213	20.478.801
	111.168.808	366.752.888

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.286.927.499	2.755.263.065
Các khoản điều chỉnh tăng	486.945.058	336.468.890
- Chi phí phụ cấp HDQT, BKS không chuyên trách	272.790.000	263.500.000
- Tiền phạt vi phạm HC thuế	29.235.938	72.968.890
- Các chi phí loại trừ khác	184.919.120	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.773.872.557	3.091.731.955
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	354.774.511	618.346.391
Điều chỉnh do sát nhập Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội	16.531.754	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	110.666.524	51.317.837
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(552.942.481)	(558.997.704)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(70.969.692)	110.666.524

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	932.152.988	2.136.916.674
Các khoản điều chỉnh:	-	(215.016.257)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	-	(215.016.257)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	932.152.988	1.921.900.417
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.402.850	2.402.850
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	388	800

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.199.297.450	28.640.092.553
Chi phí nhân công	7.639.769.952	6.630.523.319
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.280.570.059	3.795.617.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.176.738.073	5.305.284.383
Chi phí khác bằng tiền	2.583.040.846	1.574.610.718
	51.879.416.380	45.946.128.398

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2019	01/01/2019
		Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.744.883.698	-	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.061.856.105	(636.955.667)	10.103.223.979
	7.806.739.803	(636.955.667)	(75.188.305)

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ		56.493.600	4.550.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác		5.289.085.973	9.362.574.004
Chi phí phải trả		31.542.000	44.291.785
		5.377.121.573	13.956.865.789

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm</u> <u>trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm</u> <u>đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.744.883.698	-	-	2.744.883.698
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.424.900.438	-	-	4.424.900.438
	<u>7.169.784.136</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>7.169.784.136</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.711.856.879	-	-	1.711.856.879
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.028.035.674	-	-	10.028.035.674
	<u>11.739.892.553</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>11.739.892.553</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	56.493.600	-	-	56.493.600
Phải trả người bán, phải trả khác	5.289.085.973	-	-	5.289.085.973
Chi phí phải trả	31.542.000	-	-	31.542.000
	<u>5.377.121.573</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>5.377.121.573</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	4.550.000.000	-	-	4.550.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	9.362.574.004	-	-	9.362.574.004
Chi phí phải trả	44.291.785	-	-	44.291.785
	<u>13.956.865.789</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>13.956.865.789</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	Công ty mẹ
Công ty thương mại tư vấn và đầu tư (Tổng Công ty mía đường I - CTCP)	Chi nhánh của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần bánh kẹo Hải Châu	Công ty con cùng tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER

Khu 7, phường Thanh Miếu, Thành phố Việt Trì,
Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giao dịch bán hàng hóa, dịch vụ	19.200.000.000	17.815.033
Công ty Cổ phần bánh kẹo Hải Châu	19.200.000.000	17.815.033
Mua hàng hóa, dịch vụ	39.075.826.488	831.676.736
Công ty Cổ phần bánh kẹo Hải Châu	20.436.695.607	831.676.736
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	1.142.095.238	-
Công ty thương mại tư vấn và đầu tư (Tổng Công ty mía đường I - CTCP)	17.074.178.500	-
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	422.857.143	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.564.513.566	2.089.503.400
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	1.396.571.358	2.086.268.080
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	166.458.000	1.751.112
Công ty Cổ phần bánh kẹo Hải Châu	1.484.208	1.484.208
Trả trước cho người bán ngắn hạn	8.122.597.900	7.320.451.500
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	4.958.240.000	6.697.440.000
Công ty thương mại tư vấn và đầu tư (Tổng Công ty mía đường I - CTCP)	3.164.357.900	623.011.500
Phải thu ngắn hạn khác	314.632.110	148.270.401
Công ty Cổ phần bánh kẹo Hải Châu	113.270.602	42.114.845
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	-	106.155.556
Công ty thương mại tư vấn và đầu tư (Tổng Công ty mía đường I - CTCP)	201.361.508	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	482.679.029	436.721.982
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	901.809.527	798.048.180

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Lê Thị Bùi Xuân
Người lập

Ngô Thị Tuyết
Kế toán trưởng

Đỗ Đình Quý
Tổng Giám đốc

